

Số: 66.23/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm xử lý khó khăn, vướng mắc trong pháp luật về phòng, chống rửa tiền nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị quyết ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm xử lý khó khăn, vướng mắc trong pháp luật về phòng, chống rửa tiền nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách đặc thù nhằm xử lý khó khăn, vướng mắc trong pháp luật về phòng, chống rửa tiền nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu về thuế.

2. Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi, thông tin nhận biết khách hàng, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý, tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro, tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng.

3. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 2. Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 như sau:

“7. Chủ sở hữu hưởng lợi là một hoặc nhiều cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với khách hàng, bao gồm thỏa thuận pháp lý, hoặc cá nhân mà khách hàng thực hiện giao dịch thay mặt họ.”.

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

“4. Ngoài các thông tin nhận biết khách hàng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, đối tượng báo cáo thu thập các thông tin khác trong một số trường hợp cụ thể sau:

a) Khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác, đối tượng báo cáo thu thập các thông tin gồm: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (đối với tổ chức nhận ủy thác) hoặc tên người nhận ủy thác (đối với cá nhân nhận ủy thác); địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức nhận ủy thác, địa chỉ quốc tịch đối với cá nhân nhận ủy thác; thông tin đăng ký/cấp phép do cơ quan thẩm quyền nước ngoài cấp đối với bên nhận ủy thác (nếu có); cơ cấu của ủy thác; thông tin về tên, số định danh của bên ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có), bất kỳ cá nhân nào có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác, và người có liên quan khác (nếu có).

Khi khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác, đối tượng báo cáo thu thập thông tin đối với tất cả các bên giữ vai trò tương đương với hình thức ủy thác nêu trên;

b) Đối tượng báo cáo xác định và thu thập thông tin về người thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ngay khi người thụ hưởng được chỉ định bởi bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.

Trong trường hợp người thụ hưởng là cá nhân hoặc pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, thông tin thu thập bao gồm họ và tên hoặc tên giao dịch đầy đủ của người thụ hưởng.

Trong trường hợp bảo hiểm nhóm, thông tin thu thập gồm giấy tờ tùy thân, tài liệu chứng minh quan hệ với người được bảo hiểm của người thụ hưởng và các tài liệu cần thiết khác cho phép đối tượng báo cáo có thể xác định được người thụ hưởng ở thời điểm chi trả.

Việc xác minh thông tin về người thụ hưởng phải được thực hiện tại thời điểm chi trả.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

“1. Đối tượng báo cáo sử dụng các tài liệu, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm:

a) Đối với khách hàng cá nhân: Căn cước, Căn cước điện tử, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp, văn bản chứng minh tư cách đại diện (nếu có);

b) Đối với khách hàng tổ chức: giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn hiệu lực; tài khoản định danh điện tử, quyết định về tổ chức lại, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động của tổ chức (nếu có); điều lệ của tổ chức (nếu có); quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có); các tài liệu, dữ liệu liên quan đến người thành lập, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của tổ chức, chủ sở hữu hưởng lợi;

c) Đối với khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý: Văn bản thành lập thỏa thuận pháp lý; tài liệu đăng ký thỏa thuận pháp lý (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan đến việc thành lập thỏa thuận pháp lý (nếu có);

d) Các tài liệu, dữ liệu và nguồn thông tin đáng tin cậy khác có liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

“Điều 22. Minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý

1. Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác có trách nhiệm thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng về bên ủy thác, bên nhận ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có), bất kỳ cá nhân nào có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác (nếu có).

Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý nêu trên là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, thông tin thu thập, cập nhật bao gồm các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý đó.

2. Bên giữ vai trò tương đương với vai trò bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác có trách nhiệm thu thập, cập nhật các thông tin nhận dạng đối với các bên giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác nêu tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, thông tin thu thập, cập nhật bao gồm các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý đó.

3. Ngoài các thông tin thu thập tại khoản 1 và 2 Điều này, bên nhận ủy thác hoặc bên giữ vai trò tương đương với vai trò bên nhận ủy thác có trách

nhiệm thu thập thông tin cơ bản về các đại lý hoặc nhà cung cấp dịch vụ được quản lý khác của thỏa thuận pháp lý (nếu có).

4. Các thông tin quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này phải được lưu trữ ít nhất 05 năm kể từ thời điểm bên nhận ủy thác hoặc bên giữ vai trò tương đương với vai trò bên nhận ủy thác ngừng tham gia vào hoạt động thỏa thuận pháp lý.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, thực hiện điều tra, truy tố, xét xử có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

“Điều 7. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi

1. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân được xác định như sau:

a) Trường hợp khách hàng mở tài khoản, đối tượng báo cáo xác định một hoặc nhiều cá nhân sở hữu cuối cùng trên thực tế tài khoản hoặc kiểm soát cuối cùng trên thực tế hoạt động của tài khoản đó;

b) Trường hợp khách hàng thiết lập mối quan hệ hoặc thực hiện giao dịch với đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xác định một hoặc nhiều cá nhân cuối cùng trên thực tế kiểm soát mối quan hệ, giao dịch đó.

2. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là tổ chức được xác định như sau:

a) Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng.

Cá nhân sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng thông qua tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý khác. Đối tượng báo cáo phải rà soát từng tầng trong cấu trúc sở hữu của khách hàng để xác định chủ sở hữu hưởng lợi.

Trường hợp nhóm cá nhân có liên quan đến nhau thông qua mối quan hệ nhân thân hoặc hợp đồng có tổng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng, đối tượng báo cáo xác định các cá nhân trong nhóm này là chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng;

b) Khi không có cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào được xác định theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc khi có nghi ngờ các cá nhân đã được xác định theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này không phải là Chủ sở hữu hưởng

lợi của khách hàng, đối tượng báo cáo xác định cá nhân kiểm soát khách hàng thông qua các phương thức khác theo pháp luật hoặc trên thực tế. Việc kiểm soát được thực hiện thông qua một hoặc nhiều quyền như: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, các cơ quan quản trị, điều hành khác của tổ chức; sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của tổ chức; tổ chức lại, giải thể tổ chức;

c) Trong trường hợp không có cá nhân, nhóm cá nhân nào được xác định theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, đối tượng báo cáo xác định cá nhân giữ vị trí quản lý cấp cao có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức;

d) Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài mà đối tượng báo cáo có thể khai thác được thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.

3. Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là quỹ (được thành lập theo pháp luật nước ngoài) bao gồm các cá nhân giữ vai trò: sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản lý quỹ, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền kiểm soát cuối cùng theo pháp luật hoặc trên thực tế đối với quỹ.

Trường hợp một trong các vai trò quy định nêu trên do một tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý nắm giữ thì chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý đó được xác định là chủ sở hữu hưởng lợi của quỹ.

Trường hợp người thụ hưởng của quỹ được chỉ định theo tiêu chí hoặc theo nhóm, đối tượng báo cáo xác định các tiêu chí về người hoặc nhóm người thụ hưởng của quỹ để có thể xác định được danh tính của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả.

4. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với thỏa thuận pháp lý được xác định như sau:

a) Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm: người ủy thác, người nhận ủy thác, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có) và bất kỳ cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát cuối cùng theo pháp luật hoặc trên thực tế đối với ủy thác.

Trường hợp người thụ hưởng của thỏa thuận pháp lý được chỉ định theo tiêu chí hoặc theo nhóm, đối tượng báo cáo xác định các tiêu chí về người hoặc nhóm người thụ hưởng của thỏa thuận pháp lý để có thể xác định được danh

tính của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả, thời điểm người thụ hưởng có ý định thực hiện các quyền đã được xác lập, thời điểm kết thúc giai đoạn tích lũy hoặc thời điểm bên nhận ủy thác thực hiện quyền tự quyết theo thỏa thuận;

b) Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm những người giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác nêu tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý đó.

5. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 4 Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro. Việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro rửa tiền được thực hiện ngay hoặc không quá 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận biết khách hàng theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo tần suất tối thiểu 5 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh hoặc khi biết thông tin nhận biết khách hàng có sự thay đổi.”.

c) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 như sau:

“d) Phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng tăng cường trong trường hợp có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc trùng với kịch bản hoặc tình huống rủi ro cao nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do đối tượng báo cáo xác định.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng

báo cáo phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo tần suất tối thiểu 2 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh hoặc khi biết thông tin nhận biết khách hàng có sự thay đổi.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

“e) Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo tần suất tối thiểu 1 năm/lần hoặc khi có rủi ro mới phát sinh hoặc khi biết thông tin nhận biết khách hàng có sự thay đổi.”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trường hợp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12, Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2025 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các Điều, khoản của Nghị quyết này có nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi các văn bản nêu trên chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản đó có hiệu lực thi hành.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi đã được thu thập, cập nhật, xác minh, lưu trữ hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị pháp lý và được sử dụng theo quy định của pháp luật. Việc Nghị quyết này hết hiệu lực không làm phát sinh nghĩa vụ thực hiện lại các công việc đã được thực hiện hợp pháp theo quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kịp thời theo dõi, hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 14

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng